

1. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I TOÁN 7

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số hữu tỉ	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	2TN (TN1,2) 0,5đ								40%
		Các phép tính với số hữu tỉ	1TN (TN 4) 0,25đ	1TL (TL2a) 0,5đ	1TN (TN 3) 0,25đ	3TL (TL1a,1b,2b) 1,5đ				1TL (TL6) 1,0đ	
2	Các hình khối trong thực tiễn	Hình hộp chữ nhật và hình lập phương		1TL (TL3a,3b) 1,0đ	1TN (TN 5) 0,25đ						35%
		Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác	1TN (TN 6) 0,25đ					2TL (TL4a,4b) 2,0đ			
3	Các hình hình học cơ bản	Góc ở vị trí đặc biệt.	2TN (TN 7,8) 0,5đ	1TL (TL5a) 1,0đ		1TL (TL5b) 1,0đ					25%
Tổng: Số câu Điểm			6 1,5	3 2,5	1 0,5	3 2,5	0 0,0	2 2,0	0 0,0	1 1,0	10,0
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

2. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I TOÁN 7

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Số hữu tỉ	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	Nhận biết: – Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ. – Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ. – Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. – Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ. Thông hiểu: – Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số. Vận dụng: – So sánh được hai số hữu tỉ.	2TN (TN1,2)			
		Các phép tính với số hữu tỉ	Thông hiểu: – Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa). – Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. Vận dụng:	1TN (TN4) 1TL (TL2a)	1TN (TN3) 3TL (TL1a,1b,2b)		1TL (TL6)

			– Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...). Vận dụng cao: – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>phức hợp, không quen thuộc</i>) gắn với các phép tính về số hữu tỉ.				
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
2	Các hình khối trong thực tiễn	Hình hộp chữ nhật và hình lập phương	Nhận biết Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật và hình lập phương. Thông hiểu – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương,...).	1TL (TL3a,3b)	1TN (TL5)		
		Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác	Nhận biết – Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: hai mặt đáy là song song; các mặt bên đều là hình chữ nhật, ...). Thông hiểu	1TN (TN6)		2TL (TL4a,4b)	

			– Tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. – Tính được diện tích xung quanh, thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác. – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác,...). Vận dụng Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của một lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.				
3	Các hình hình học cơ bản	Góc ở vị trí đặc biệt.	Nhận biết : – Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh). – Nhận biết được tia phân giác của một góc. – Nhận biết được cách vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập	2TN (TN7,8) 1TL (TL)		1TL (TL5a,5b)	

Thời gian làm bài: 90 phút

(Không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THAM KHẢO

(Đề có 4 trang)

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan. (2,0 điểm) Mỗi câu sau đây đều có 4 lựa chọn, trong đó chỉ có 1 phương án đúng. Hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. [NB] Trong các số sau, số nào không phải là số hữu tỉ?

A. $1,1(2)$.

B. $1,5$.

C. $\frac{1}{2}$.

D. $\sqrt{11}$.

Câu 2. [NB] Khẳng định nào dưới đây sai?

A. Số đối của số 12 là -12.

B. Số đối của $-3\frac{5}{2}$ là $3\frac{5}{2}$.

C. Số đối của 2023 là $-(-2023)$.

D. Số đối của 0 là 0.

Câu 3. [TH] Tìm x, biết: $\frac{2}{3} - \frac{1}{3}x = 0$

A. $x = -2$.

B. $x = 2$.

C. $x = 0$.

D. $x = \frac{1}{3}$.

Câu 4. [NB] Tính $A = \frac{2023^3}{2023^2} \cdot \frac{1}{2}$

A. $A = 4046$.

B. $A = \frac{2023}{2}$.

C. $A = \frac{2}{2023}$.

D. $x = \frac{1}{4046}$.

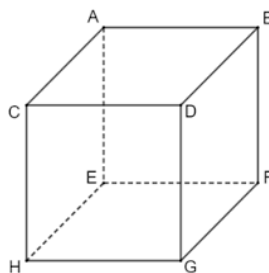
Câu 5. [TH] Cho hình lập phương ABCD.EFGH. Cho biết $CD = 3$ cm. Tính tổng độ dài của AB và HG?

A. $AB + HG = 3$ cm

B. $AB + HG = 6$ cm

C. $AB + HG = 7$ cm

D. $AB + HG = 10$ cm



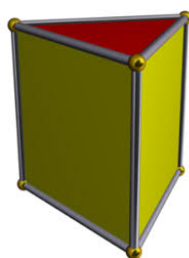
Câu 6. [NB] Hình nào sau đây là hình lăng trụ đứng tứ giác?



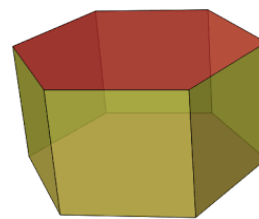
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1.

B. Hình 2.

C. Hình 3.

D. Hình 4.

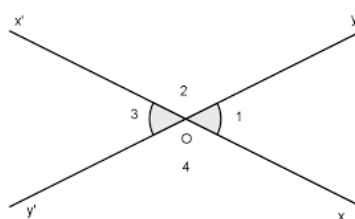
Câu 7. [NB] Chọn câu đúng nhất: Hai góc đối đỉnh có trong hình là:

A. $\hat{O}_1$ và $\hat{O}_3$.

B. $\hat{O}_1$ và $\hat{O}_2$.

C. $\hat{O}_1$ và $\hat{O}_4$; $\hat{O}_2$ và $\hat{O}_4$.

D. $\hat{O}_1$ và $\hat{O}_3$; $\hat{O}_2$ và $\hat{O}_4$.



Câu 8. [NB] Cho $\widehat{xOy}$ kề bù với góc $\widehat{tOy}$. Biết $\widehat{xOy} = 60^\circ$. Tính $\widehat{tOy}$.

A. $\widehat{tOy} = 60^\circ$.

B. $\widehat{tOy} = 180^\circ$.

C. $\widehat{tOy} = 120^\circ$.

D. $\widehat{tOy} = 90^\circ$.

Phần 2: Tự luận (8,0 điểm)

Bài 1 (1,0 điểm)

a) **[TH]** Hãy tính giá trị của biểu thức bằng cách bỏ dấu ngoặc rồi nhóm các số hạng

thích hợp: $A = (8 - \frac{2}{3} + \frac{1}{2}) - (5 - \frac{7}{3} - \frac{3}{2}) - (\frac{5}{3} + \frac{5}{2} + 4)$

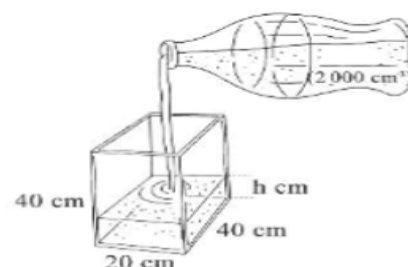
b) **[TH]** Tính $B = \frac{2^3 \cdot 9^5}{4^2 \cdot 3^8}$

Bài 2 (1,0 điểm) **[NB + TH]** Tìm x, biết:

a) $\frac{1}{3} - x = \frac{4}{7}$

b) $\frac{5}{4} - \frac{1}{4} \cdot (x - \frac{2}{3}) = 1\frac{3}{2}$

Bài 3 (1,0 điểm) [NB] Một cái bể hình hộp chữ nhật và một cái chai có kích thước và thể tích như Hình vẽ. Cho biết một chai nước đầy rót hết vào bể.

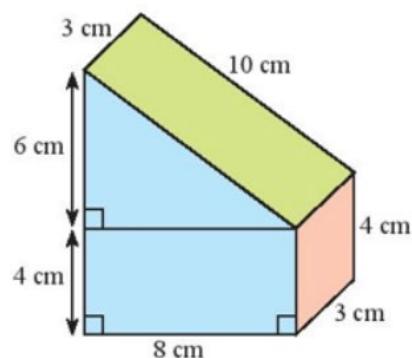


a) **[NB]** Tính thể tích của cái bể.

b) **[NB]** Tính chiều cao mực nước sau khi rót hết một chai nước vào bể.

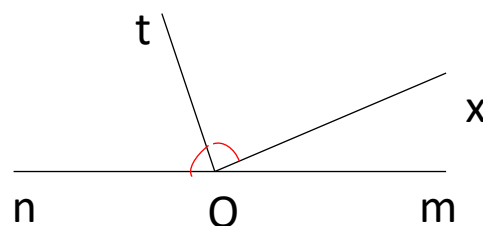
Bài 4 (2,0 điểm) [VD] Bạn Nam đã làm một chiếc hộp hình lăng trụ đứng với kích thước như hình vẽ. Bạn ấy định sơn các mặt của chiếc hộp, trừ mặt bên dưới.

- Tính diện tích xung quanh của chiếc hộp?
- Tính diện tích cần sơn?



Bài 5 (2,0 điểm) [NB + TH] Cho hình vẽ:

- Kể tên các cặp góc kề bù với nhau?
- Cho $\widehat{mOx} = 30^\circ$; $\widehat{tOx} = 70^\circ$. Tính $\widehat{nOx}$; $\widehat{nOt}$



Bài 6 (1,0 điểm) [VDC] Nhân ngày quốc tế phụ nữ 20/10, một cửa hàng thời trang giảm giá 2% cho tất cả các khách hàng là nữ giới. Đặc biệt nếu khách hàng nào có thể khách hàng thân thiết của cửa hàng thì được giảm giá thêm 10% trên giá đã giảm. Cô Mai là một khách hàng thân thiết của cửa hàng, Cô đã mua một chiếc túi xách và đã phải trả số tiền là 864 000 đồng. Hỏi giá ban đầu của chiếc túi xách đó là bao nhiêu?.

Họ và tên thí sinh: **SBD:** **Phòng thi:**

.....

Cán bộ coi kiểm tra không giải thích gì thêm về đề.

Học sinh không được sử dụng tài liệu.

-----**Hết**-----

ĐỀ THAM KHẢO

(Đề có 4 trang)

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đ/án	D	C	B	B	B	C	D	C

II. TỰ LUẬN: (8,0 điểm)

Bài	Đáp án	Điểm
1	a) $A = (8 - \frac{2}{3} + \frac{1}{2}) - (5 - \frac{7}{3} - \frac{3}{2}) - (\frac{5}{3} + \frac{5}{2} + 4)$	0,25đx2
	b) $B = \frac{2^3 \cdot 9^5}{4^2 \cdot 3^8}$	0,25đx2
2	a) $\frac{1}{3} - x = \frac{4}{7}$	0,25đx2
	b) $\frac{5}{4} - \frac{1}{4} \cdot (x - \frac{2}{3}) = 1\frac{3}{2}$	0,25đx2
3	a) Bể nước có dạng hình hộp chữ nhật có độ dài hai cạnh đáy là 20 cm, 40 cm và chiều cao là 40 cm. Thể tích của bể là: $V = 20 \cdot 40 \cdot 40 = 32\,000 \text{ (cm}^3\text{)}$.	0,25đx2
	b) Quan sát ta thấy chai nước có thể tích là $2\,000 \text{ cm}^3$ nên khi rót hết một chai nước đầy vào bể thì thể tích nước trong bể lúc này là $2\,000 \text{ cm}^3$.	0,25đx2

	Do đó, chiều cao của mực nước sau khi rót hết một chai nước vào bể là: $h = \frac{2000}{20.40} = 2,5 \text{ (cm)}$	
4	a) Chu vi đáy của chiếc hộp hình lăng trụ đứng là: $(4 + 6) + 8 + 4 + 10 = 32 \text{ (cm)}$ Diện tích xung quanh của chiếc hộp hình lăng trụ đứng là: $32 \cdot 3 = 96 \text{ (cm}^2\text{)}$	0,25đx4
	Diện tích hai đáy của chiếc hộp hình lăng trụ đứng là: $2 \cdot \frac{(4+6)+4}{2} \cdot 8 = 112 \text{ (cm}^2\text{)}$ Diện tích tất cả các mặt của chiếc hộp hình lăng trụ đứng là: $96 + 112 = 208 \text{ (cm}^2\text{)}$ Diện tích tiếp xúc với mặt đất là: $8 \cdot 3 = 24 \text{ (cm}^2\text{)}$ Diện tích các mặt cần sơn bằng diện tích các mặt của chiếc hộp hình lăng trụ đứng trừ đi diện tích tiếp xúc với mặt đất và bằng: $208 - 24 = 184 \text{ (cm}^2\text{)}$ Vậy diện tích cần sơn của chiếc hộp hình lăng trụ đứng là 184 cm². b)	0,25đx4
5	Cặp góc kề bù với nhau: $\widehat{mOx}$ kề bù $\widehat{nOx}$; $\widehat{nOt}$ kề bù $\widehat{tOm}$	0,5đx2
	$\widehat{nOx} + \widehat{xOm} = 180^\circ$ $\widehat{xOt} + \widehat{tOn} = \widehat{xOn}$ b) $\widehat{nOx} + 30^\circ = 180^\circ$ $70^\circ + \widehat{tOn} = 150^\circ$ $\widehat{nOx} = 180^\circ - 30^\circ$ $\widehat{tOn} = 150^\circ - 70^\circ$ $\widehat{nOx} = 150^\circ$ $\widehat{tOn} = 80^\circ$	0,5đx2
6	Số tiền cô Minh phải trả khi chưa dùng thẻ khách hàng thân thiết là: $864\,000 : 90\% = 960\,000 \text{ (đồng)}.$	

	Giá ban đầu của chiếc túi xách (khi chưa giảm giá 20%) là: $960\,000 : 80\% = 1\,200\,000$ (đồng). Vậy giá bán đầu của chiếc túi xách đó là 1 200 000 đồng.	
--	---	--